

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

Thành phố Vinh, tháng 02 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG

Số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi

Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Mậu	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2011)
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2011)
Bà Nguyễn Thương Huyền	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 09 năm 2011)
Ông Trần Hoài Đức	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 09 năm 2011)
Ông Trần Đình Phúc	Thành viên
Bà Lê Thị Mai Hoa	Thành viên
Ông Lê Hồng Xanh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Hoài Đức	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 09 năm 2011)
Ông Trần Đình Phúc	Phó Giám đốc phụ trách (bổ nhiệm ngày 01 tháng 09 năm 2011)
Ông Thái Hồng Nhã	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Trần Đình Phúc
Phó Giám đốc phụ trách

Thành phố Vinh, ngày 21 tháng 02 năm 2012

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 4 đến trang 21. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến soát xét về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay vì không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính các vấn đề sau:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 42.649.797.334 VND (31 tháng 12 năm 2010: 46.843.472.069 VND), lỗ lũy kế đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 52.385.505.621 VND (31 tháng 12 năm 2010: 55.409.695.370 VND). Ban Giám đốc Công ty đã lên phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản nợ, đồng thời xin gia hạn các khoản vay đến hạn để có thêm thời gian thu xếp vốn trả nợ. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc cũng tin tưởng rằng kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 sẽ khả quan. Các cổ đông chính của Công ty đã cam kết sẽ tiếp tục cung cấp nguồn tài chính và các khoản tín dụng cho Công ty bất cứ khi nào cho đến khi Công ty có khả năng tạo được dòng tiền từ hoạt động kinh doanh đủ để duy trì hoạt động của mình. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty cho rằng báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Ý kiến (Tiếp theo)

- Từ năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, theo đó, Công ty được sử dụng nhãn hiệu “PETROVIETNAM và hình” với mức phí phải trả hàng năm là 6% lợi nhuận trước thuế của năm tài chính trước liền kề của bên nhận nhưng không thấp hơn 1 tỷ đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa hạch toán khoản phí trên vào chi phí hoạt động kinh doanh năm 2010 và 2011 mà vẫn phản ánh tại khoản mục “Chi phí trả trước ngắn hạn” trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 khoản phí phải trả của năm 2010 và 6 tháng đầu năm 2011 với số tiền 1,5 tỷ VND, đồng thời chưa trích trước khoản phí phải trả cho 6 tháng cuối năm 2011 với số tiền 0,5 tỷ VND. Theo giải thích của Công ty, tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình đàm phán với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để xin miễn giảm khoản chi phí trên. Nếu Công ty hạch toán theo đúng quy định, chi phí hoạt động kinh doanh năm 2011 của Công ty sẽ tăng lên 1 tỷ VND và lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty sẽ tăng lên 2 tỷ VND.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 6 và số 7 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty tồn tại khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán từ Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH với số tiền tương ứng là 17.420 triệu VND và 27.097 triệu VND. Hiện tại, Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH đang thực hiện các thủ tục phá sản. Ban Giám đốc Công ty đánh giá khả năng thu hồi các khoản công nợ nêu trên là không chắc chắn và quyết định trích lập 100% dự phòng công nợ phải thu khó đòi với số tiền là 44.517 triệu VND.

Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2012

Phan Ngọc Anh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1101/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		24.131.264.241	20.673.990.560
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	11.701.076.879	8.519.076.523
1. Tiền	111		11.701.076.879	8.519.076.523
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.700.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	1.700.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.870.340.726	6.572.021.004
1. Phải thu khách hàng	131	6	22.707.420.809	22.401.768.131
2. Trả trước cho người bán	132	7	27.299.501.025	27.763.992.185
3. Các khoản phải thu khác	135		803.570.104	1.065.422.130
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(44.940.151.212)	(44.659.161.442)
IV. Hàng tồn kho	140	8	3.615.422.838	1.797.757.037
1. Hàng tồn kho	141		3.615.422.838	1.797.757.037
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.944.423.798	2.085.135.996
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.718.845.736	1.123.435.000
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.225.578.062	961.700.996
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		163.820.637.703	164.768.392.668
I. Tài sản cố định	220		150.395.455.279	150.655.601.205
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	147.286.385.998	147.302.720.803
- Nguyên giá	222		192.218.344.178	184.381.354.973
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.931.958.180)	(37.078.634.170)
2. Tài sản cố định vô hình	227		465.009.413	531.036.007
- Nguyên giá	228		762.561.950	718.880.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(297.552.537)	(187.844.493)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	2.644.059.868	2.821.844.395
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		12.172.670.000	12.172.670.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	11	12.172.670.000	12.172.670.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.252.512.424	1.940.121.463
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.002.512.424	1.690.121.463
2. Tài sản dài hạn khác	268		250.000.000	250.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		187.951.901.944	185.442.383.228

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		67.401.002.051	67.728.128.029
I. Nợ ngắn hạn	310		66.781.061.575	67.517.462.629
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	50.540.000.000	53.597.800.000
2. Phải trả người bán	312		6.555.436.215	10.866.929.263
3. Người mua trả tiền trước	313		82.926.799	62.236.400
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		578.069.415	519.317.392
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		571.075.320	4.250.000
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		8.555.968.214	1.748.555.781
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(102.414.388)	718.373.793
II. Nợ dài hạn	330		619.940.476	210.665.400
1. Vay và nợ dài hạn	334		409.275.076	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		210.665.400	210.665.400
B - NGUỒN VỐN (400=410)	400		120.550.899.893	117.714.255.199
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	120.550.899.893	117.714.255.199
1. Vốn điều lệ	411		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		22.819.811.566	22.819.811.566
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		116.593.948	304.139.003
4. Lỗi lũy kế	420		(52.385.505.621)	(55.409.695.370)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		187.951.901.944	185.442.383.228

Thành phố Vinh, ngày 21 tháng 02 năm 2012

Phó phụ trách
Phòng Tài chính kế toán

Phó Giám đốc phụ trách

Lê Thị Hồng Gấm

Trần Đình Phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		124.468.430.584	191.154.917.793
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.722.862.221	1.061.456.661
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	122.745.568.363	190.093.461.132
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	106.616.531.709	175.165.403.175
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		16.129.036.654	14.928.057.957
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		248.954.923	1.372.256.525
7. Chi phí tài chính	22	17	1.144.245.214	5.430.450.270
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.141.860.272	5.418.448.243
8. Chi phí bán hàng	24		1.712.863.713	5.013.491.414
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.235.596.834	4.311.506.788
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		4.285.285.816	1.544.866.010
11. Thu nhập khác	31		299.736.283	392.499.580
12. Chi phí khác	32		1.560.832.350	62.894.408
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.261.096.067)	329.605.172
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp (50=30+40)	50		3.024.189.749	1.874.471.182
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		3.024.189.749	1.874.471.182
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	202	125

Thành phố Vinh, ngày 21 tháng 02 năm 2012

**Phó phụ trách
Phòng Tài chính kế toán**

Phó Giám đốc phụ trách

Lê Thị Hồng Gấm

Trần Đình Phúc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	3.024.189.749	1.874.471.182
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.897.991.123	7.312.221.363
Các khoản dự phòng	03	280.989.770	(7.704.011.343)
Lỗ/(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	251.969.410	(677.336.302)
Chi phí lãi vay	06	1.141.860.272	5.418.448.243
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	12.597.000.324	6.223.793.143
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(277.750.813)	66.007.609.473
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(1.817.665.801)	36.071.489.799
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả)	11	765.962.963	(560.277.451)
Giảm tài sản ngắn hạn khác	12	92.198.303	4.001.251.537
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.141.860.272)	(5.422.296.687)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(187.545.055)	(9.654.140)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	10.030.339.649	106.311.915.674
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21	(6.147.450.145)	(6.667.794.315)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	1.222.731	270.633.061
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.618.000.000)	(3.400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	4.318.000.000	26.700.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay	27	246.413.045	1.322.211.262
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(4.199.814.369)	18.225.050.008
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	802.200.800	597.800.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.450.725.724)	(125.740.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(2.648.524.924)	(125.142.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	3.182.000.356	(605.234.318)
Tiền đầu năm	60	8.519.076.523	9.124.310.841
Tiền cuối năm	70	11.701.076.879	8.519.076.523

Thành phố Vinh, ngày 21 tháng 02 năm 2012

Phó phụ trách
Phòng Tài chính kế toán

Phó Giám đốc phụ trách

Lê Thị Hồng Gấm

Trần Đình Phúc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001789 ngày 01 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán tập trung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong năm 2009.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 2900781381 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 08 tháng 6 năm 2010, ngành nghề hoạt động của Công ty là:

- Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế;
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Mua bán bia rượu các loại, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Vận chuyển hành khách đường bộ, theo hợp đồng, khách du lịch bằng ô tô;
- Đại lý, mua bán: phân bón, xăng dầu và các sản phẩm xăng dầu;
- Mua bán, chế biến hàng nông sản;
- Dịch vụ môi giới tuyển sinh;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phương tiện phục vụ ngành du lịch;
- Mua bán các loại hàng hóa phục vụ khách du lịch;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Mua bán thiết bị điện tử, viễn thông, điện lạnh, điện dân dụng, điện gia dụng, đồ nội thất gia đình, nội thất văn phòng;
- Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm tin học;
- Mua bán sách báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Vận tải hàng hóa đường bộ, dịch vụ cho thuê kho bãi;
- Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá bất động sản và quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản);
- Chế biến, mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, sản phẩm mía đường, các mặt hàng chế biến từ lâm sản (mủ cao su, nhựa thông, ...);
- Khai thác, mua bán khoáng sản;
- Kinh doanh vận tải khách bằng xe taxi;
- Vận tải hàng hóa đường thủy;
- Dịch vụ bán vé máy bay và các phương tiện vận tải công cộng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 261 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 263 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)****Khả năng tiếp tục hoạt động**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 42.649.797.334 VND (31 tháng 12 năm 2010: 46.843.472.069 VND) và lỗ lũy kế là 52.385.505.621 VND (31 tháng 12 năm 2010: 55.409.695.370 VND), trong đó Công ty tồn tại khoản nợ dài hạn đến hạn trả 50 tỷ đồng cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty đã lên phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản nợ, đồng thời xin gia hạn khoản vay Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam để có thêm thời gian thu xếp vốn trả nợ. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc cũng tin tưởng rằng kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 sẽ khả quan. Các cổ đông chính của Công ty đã cam kết sẽ tiếp tục cung cấp nguồn tài chính và các khoản tín dụng cho Công ty bất cứ khi nào cho đến khi Công ty có khả năng tạo được dòng tiền từ hoạt động kinh doanh đủ để duy trì hoạt động của mình. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty cho rằng báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 21.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm (*)
Nhà cửa, vật kiến trúc	2,4 - 50
Máy móc, thiết bị	13 - 50
Phương tiện vận tải	10 - 50
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 8
Tài sản khác	4 - 8

(*) Một số tài sản được bàn giao lại tại thời điểm cổ phần hóa (ngày 31 tháng 01 năm 2008) được trích khấu hao theo giá trị còn lại và số năm sử dụng hữu ích còn lại.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn được lập theo các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	1.332.607.550	179.808.348
Tiền gửi ngân hàng	10.368.469.329	8.334.188.681
Tiền đang chuyển	-	5.079.494
	11.701.076.879	8.519.076.523

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH	17.420.000.000	17.420.000.000
Các khách hàng của Khách sạn Phương Đông	4.586.367.301	4.440.819.022
Các khách hàng khác	701.053.508	540.949.109
	22.707.420.809	22.401.768.131

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNGSố 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi
Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH	27.097.000.000	27.097.000.000
Công ty TNHH MTV Phân bón và Hoá chất Dầu khí Miền Bắc	-	3.045.560
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	-	184.778.000
Các đơn vị khác	202.501.025	479.168.625
	27.299.501.025	27.763.992.185

Trả trước cho Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH được thực hiện theo Hợp đồng số 07/HĐKT ngày 14 tháng 3 năm 2008 và Hợp đồng số 33/HĐKT ngày 13 tháng 6 năm 2008 về việc mua bán sản lát khô đưng bao được sử dụng để sản xuất nhiên liệu sinh học. Theo đó, Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH có trách nhiệm thu gom và giao khoảng 30.000 tấn sản lát khô cho Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông trong thời gian quy định trên hợp đồng.

Theo biên bản làm việc ngày 30 tháng 8 năm 2009, Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH không có khả năng giao đủ số hàng đã cam kết, còn thiếu 15.000 tấn sản lát khô chưa giao cho Công ty khi đến hạn. Do vậy, Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH đã đồng ý chịu phạt 6.650.000.000 VND và cam kết sẽ thanh toán chậm nhất trong tháng 4 năm 2010. Công ty chưa ghi nhận khoản phạt hợp đồng do khả năng thu hồi là chưa chắc chắn.

Ngày 18 tháng 01 năm 2010, Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum đã ra Quyết định số 01/2010/QĐ-MTTPS về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH và đã gửi Thông báo số 01/PS-TBTA ngày 25 tháng 01 năm 2010 tới Công ty với tư cách là chủ nợ thương mại theo quy định của Luật Phá sản. Khả năng thu hồi các khoản phải thu Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH (trình bày tại Thuyết minh số 6) và ứng trước cho công ty này như trình bày ở trên là không chắc chắn và tùy thuộc vào quyết định của các cơ quan có thẩm quyền giải quyết phá sản cũng như giá trị tài sản hiện có của Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH có thể thanh toán đầy đủ các khoản phải thu đó của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi với số tiền 44.517 triệu VND trên cơ sở đánh giá giá trị có khả năng thu hồi từ Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	843.152.160	735.891.487
Công cụ, dụng cụ	291.602.036	105.912.035
Hàng hóa	2.480.668.642	955.953.515
Cộng	3.615.422.838	1.797.757.037

Hàng hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 chủ yếu bao gồm đạm Ure thương hiệu Phú Mỹ và lân Lâm Thao tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNGSố 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi
Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2011	137.013.786.317	42.556.653.621	4.483.651.864	297.081.353	30.181.818	184.381.354.973
Mua sắm mới	-	39.590.909	-	-	18.181.818	57.772.727
Xây dựng cơ bản hoàn thành	5.029.468.089	1.194.312.406	-	-	-	6.223.780.495
Tăng do điều chỉnh nguyên giá	-	3.817.595.043	-	-	-	3.817.595.043
Tăng do phân loại lại	461.884.984	-	-	-	11.546.812.127	12.008.697.111
Giảm do điều chỉnh nguyên giá	(2.262.158.920)	-	-	-	-	(2.262.158.920)
Giảm do phân loại lại	-	(12.008.697.251)	-	-	-	(12.008.697.251)
Tại ngày 31/12/2011	<u>140.242.980.470</u>	<u>35.599.454.728</u>	<u>4.483.651.864</u>	<u>297.081.353</u>	<u>11.595.175.763</u>	<u>192.218.344.178</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2011	22.060.075.626	13.405.437.855	1.460.642.491	140.787.293	11.690.905	37.078.634.170
Trích khấu hao	3.673.621.005	3.642.821.199	425.154.374	38.892.562	7.793.939	7.788.283.079
Tăng khác	115.471.246	349.725.549	-	-	2.886.402.898	3.351.599.693
Giảm khác	(284.684.618)	(3.001.874.144)	-	-	-	(3.286.558.762)
Tại ngày 31/12/2011	<u>25.564.483.259</u>	<u>14.396.110.459</u>	<u>1.885.796.865</u>	<u>179.679.855</u>	<u>2.905.887.742</u>	<u>44.931.958.180</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2011	<u>114.678.497.211</u>	<u>21.203.344.269</u>	<u>2.597.854.999</u>	<u>117.401.498</u>	<u>8.689.288.021</u>	<u>147.286.385.998</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>114.953.710.691</u>	<u>29.151.215.766</u>	<u>3.023.009.373</u>	<u>156.294.060</u>	<u>18.490.913</u>	<u>147.302.720.803</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nguyên giá các tài sản cố định (bao gồm 04 xe ô tô) dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng là khoảng 2.263 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 2.263 triệu VND), xem chi tiết tại Thuyết minh số 13.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tại ngày 01/01	2.821.844.395	779.668.879
Tăng trong năm	6.045.995.968	3.063.971.016
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(6.223.780.495)	(1.021.795.500)
Tại ngày 31/12	<u>2.644.059.868</u>	<u>2.821.844.395</u>

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Sài Gòn - Kim Liên với tỷ lệ tương ứng là 16,5% vốn điều lệ của công ty này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng giá trị khoản đầu tư dài hạn này không bị suy giảm nên không phải trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNGSố 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi
Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tại ngày 01/01	1.690.121.463	6.775.944.364
Tăng trong năm	12.198.038.221	1.011.467.745
Phân bổ vào chi phí trong năm	(7.238.628.437)	(5.520.279.234)
Giảm khác (*)	(5.647.018.823)	(577.011.412)
Tại ngày 31/12	1.002.512.424	1.690.121.463

Khoản chi phí trả trước dài hạn chủ yếu phản ánh giá trị trang thiết bị, nội thất liên quan đến việc nâng cấp khách sạn Phương Đông và giá trị công cụ, dụng cụ được sử dụng cho bộ phận bếp, buồng và nhà hàng của khách sạn.

(*) Khoản giảm khác trong năm 2011 phản ánh phần điều chỉnh nguyên giá giá trị xây lắp và thiết bị theo quyết toán liên quan đến công trình đầu tư nâng cấp khách sạn Phương Đông.

13. VAY NGẮN HẠN

		31/12/2011	31/12/2010
		VND	VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	(i)	50.000.000.000	53.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh thành phố Vinh	(ii)	540.000.000	597.800.000
		50.540.000.000	53.597.800.000

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, khoản vay ngắn hạn từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam là khoản vay dài hạn đã quá hạn trả theo Hợp đồng tín dụng số 53/PV-PTC/PVF08 ngày 27 tháng 11 năm 2008 với hạn mức vay là 50 tỷ VND, ngày đáo hạn là 27 tháng 11 năm 2011. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, chịu lãi suất 1,5%/năm và được sử dụng để tài trợ cho dự án nâng cấp khách sạn Phương Đông từ 3 sao lên 4 sao. Dự án này đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ tháng 4 năm 2009. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty chưa ký được phụ lục hợp đồng với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam để gia hạn hợp đồng vay. Hiện tại, Công ty đang chịu mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay thông thường, tương ứng với 2,25%/năm.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh là khoản vay dài hạn đến hạn trả theo Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 01/2010/HĐ ngày 08 tháng 11 năm 2010 với hạn mức tín dụng là 1,4 tỷ đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng 4 xe ô tô, với tổng nguyên giá là khoảng 2.263 triệu đồng, chịu lãi suất 16%/năm trong kỳ đầu và được điều chỉnh 3 tháng/lần với mục đích bổ sung vốn để thực hiện dự án cải tạo Nhà hàng Trường Thi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNGSố 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi
Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các cổ đông của Công ty bao gồm:

	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương	7.428.756	49,53%	74.287.560.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	1.630.600	10,87%	16.306.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu nước giải khát	1.470.000	9,8%	14.700.000.000
Cổ đông đại chúng	4.470.644	29,8%	44.706.440.000
	15.000.000	100%	150.000.000.000

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 35/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2011 đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) tại Công ty cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương và các đối tác của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương. Ngày 05 tháng 8 năm 2011, toàn bộ phần vốn này đã được chuyển nhượng thành công cho các cổ đông mới, chi tiết như sau:

- Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (OCH) mua 7.428.756 cổ phần, tương ứng với 49,53%.
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (OJB) mua 1.630.600 cổ phần, tương ứng với 10,87%

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Tại ngày 1/1/2010	150.000.000.000	22.819.811.566	313.793.143	(57.151.952.499)	115.981.652.210
Lãi trong năm	-	-	-	1.874.471.182	1.874.471.182
Chi quỹ dự phòng tài chính	-	-	(9.654.140)	-	(9.654.140)
Giảm khác	-	-	-	(132.214.053)	(132.214.053)
Tại ngày 1/1/2011	150.000.000.000	22.819.811.566	304.139.003	(55.409.695.370)	117.714.255.199
Lãi trong năm	-	-	-	3.024.189.749	3.024.189.749
Chi quỹ dự phòng tài chính	-	-	(187.545.055)	-	(187.545.055)
Tại ngày 31/12/2011	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(52.385.505.621)	120.550.899.893

15. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch	70.491.993.128	52.974.799.257
Kinh doanh phân bón	51.982.024.328	121.429.934.060
Kinh doanh khác	271.550.907	15.688.727.815
	122.745.568.363	190.093.461.132

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNGSố 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi
Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch	56.453.465.224	51.909.692.062
Kinh doanh phân bón	50.163.066.485	118.717.792.624
Kinh doanh khác	-	4.537.918.489
	106.616.531.709	175.165.403.175

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.141.860.272	5.418.448.243
Chi phí tài chính khác	2.384.942	12.002.027
	1.144.245.214	5.430.450.270

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	3.024.189.749	1.874.471.182
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Lỗi các năm trước chuyển sang	(55.409.695.370)	(59.750.159.723)
Thu nhập chịu thuế	(52.385.505.621)	(57.875.688.541)
Thuế suất hiện hành	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có khoản lỗ tính thuế có thể được dùng để khấu trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Các khoản lỗ tính thuế sẽ hết hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc sử dụng các khoản lỗ này phụ thuộc vào lợi nhuận trong tương lai của Công ty. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào cho khoản lỗ thuần tính thuế này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.024.189.749	1.874.471.182
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	202	125

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Theo Hợp đồng thuê đất số 151/HĐ-TĐ ngày 14 tháng 10 năm 2009 với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Công ty thuê 9.715,5 m² đất tại số 2 đường Trường Thi, thành phố Vinh với thời hạn thuê là 50 năm kể từ tháng 9 năm 1996. Đơn giá thuê đất bình quân là 33.848 VND/m²/năm. Tiền thuê đất được thanh toán hàng năm.

Theo Hợp đồng thuê đất số 237/HĐ-TĐ ngày 31 tháng 12 năm 2009 với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Công ty thuê 1.125,2 m² đất tại số 167 đường Nguyễn Phong Sắc, thành phố Vinh với thời hạn thuê là 40 năm kể từ tháng 12 năm 2009. Đơn giá thuê đất bình quân là khoảng 37.200 VND/m²/năm. Tiền thuê đất được thanh toán hàng năm.

Ngày 19 tháng 3 năm 2007, Công ty đã tiếp nhận khu đất của Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản (diện tích 3.189 m²) theo Quyết định số 785/QĐ-UBND-ĐMDN ngày 6 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc bàn giao khu đất về Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, hợp đồng thuê khu đất này chưa được ký chính thức.

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	11.701.076.879	8.519.076.523
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.667.839.701	5.905.028.819
Đầu tư ngắn hạn	-	1.700.000.000
Đầu tư dài hạn	12.172.670.000	12.172.670.000
Tổng cộng	29.541.586.580	28.296.775.342
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	50.949.275.076	53.597.800.000
Phải trả người bán và phải trả khác (đã trừ phải trả người lao động)	11.123.734.406	10.405.484.777
Chi phí phải trả	571.075.320	4.250.000
Tổng cộng	62.644.084.802	64.007.534.777

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Trong năm, Công ty không thực hiện một giao dịch có gốc ngoại tệ nào và cũng không có các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính bằng ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đã được thể hiện là giá trị còn lại của số dư phải thu các đơn vị có liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 6 và 7 phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNGSố 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi
Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	11.123.734.406	-	11.123.734.406
Các khoản vay	50.540.000.000	409.275.076	50.949.275.076
Chi phí phải trả	571.075.320	-	571.075.320
Tại ngày 31/12/2010			
Phải trả người bán và phải trả khác	10.405.484.777	-	10.405.484.777
Các khoản vay	53.597.800.000	-	53.597.800.000
Chi phí phải trả	4.250.000	-	4.250.000

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2011			
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.667.839.701	-	5.667.839.701
Đầu tư dài hạn	-	12.172.670.000	12.172.670.000
Tại ngày 31/12/2010			
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.905.028.819	-	5.905.028.819
Đầu tư ngắn hạn	1.700.000.000	-	1.700.000.000
Đầu tư dài hạn	-	12.172.670.000	12.172.670.000

Như đã trình bày ở phần Thuyết minh số 6 và 7 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán từ Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tương ứng là 17.420 triệu VND và 27.097 triệu VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi với số tiền 44.517 triệu VND.

Bên cạnh đó, như đã trình bày ở thuyết minh số 13, khoản vay ngắn hạn từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam là khoản vay dài hạn đến hạn trả theo Hợp đồng tín dụng số 53/PV-PTC/PVF08 ngày 27 tháng 11 năm 2008 với hạn mức vay là 50 tỷ VND, ngày đáo hạn là 27 tháng 11 năm 2011. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty chưa ký được phụ lục hợp đồng với Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí để gia hạn hợp đồng vay. Đồng thời, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng số nợ ngắn hạn của Công ty đang vượt quá tài sản ngắn hạn 42.649.797.334 đồng. Tuy nhiên Công ty đã nhận được sự cam kết hỗ trợ từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Cổ đông chính của Công ty để đảm bảo nguồn tài chính cho Công ty hoạt động trong năm tiếp theo 2012.

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm 2011, cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) đã chuyển nhượng phần vốn góp của mình tại Công ty cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương và Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương. Theo đó, các nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan được trình bày trong báo cáo tài chính năm 2010 sẽ không được coi là nghiệp vụ và số dư với bên liên quan của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Công ty không có các giao dịch mua bán và số dư công nợ phát sinh với các đơn vị thuộc Tập đoàn Đại Dương. Do đó, tại thuyết minh này, Công ty chỉ trình bày thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNGSố 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi
Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)****Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:**

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	881.923.262	535.351.667

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định phân loại lại một số số liệu để phù hợp với việc hạch toán sau khi chuyển đổi chủ sở hữu:

Khoản mục	Số đã trình bày tại báo cáo năm trước	Phân loại lại	Số sau điều chỉnh
	31/12/2010		31/12/2011
	VND		VND
Phải trả dài hạn nội bộ (*)	(961.140.324)	961.140.324	-
Phải trả phải nộp khác	2.709.696.105	(961.140.324)	1.748.555.781

(*) khoản phải trả dài hạn nội bộ là khoản mà Công ty phải trả cho Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC).

Thành phố Vinh, ngày 21 tháng 02 năm 2012

Phó phụ trách
Phòng Tài chính kế toán

Phó Giám đốc phụ trách**Lê Thị Hồng Gấm****Trần Đình Phúc**